

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Phan Bảo Duy

+ Ông Lê Thành Thật

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:*** Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 687/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bé H, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Bé H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2015 tại UBND huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu, ăn chơi, không lo cho gia đình dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T cũng không liên lạc với chị để đoàn tụ lại gia đình nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Võ Văn T có 01 (một) con chung tên Võ Phan Thủy N, sinh ngày 21/9/2013. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu N cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng do hiện nay cháu N đang sống chung với anh T, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Võ Văn T không có văn bản trình bày ý kiến.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các trình tự theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2) nên Hội đồng xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Bé H được ly hôn anh Võ Văn T.

+ Về quan hệ con chung: Để con chung tên Võ Phan Thủy N, sinh ngày 21/9/2013 cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có yêu cầu chị Bé H cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Bé H có đơn ngày 22/02/2018 xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bé H và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bé H và anh Võ Văn T kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2015 tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng chị Phan Thị Bé H và anh Võ Văn T phát sinh mâu thuẫn, chị Bé H xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua trình bày của chị Bé H trong quá trình giải quyết vụ án về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống chị Bé H và anh T có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn để chăm lo cho kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên chị Bé H yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với anh T, trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh T không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu

cầu ly hôn của chị Bé H. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bé H.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Bé H trình bày, chị và anh T có một con chung tên Võ Phan Thủy N, sinh ngày 21/9/2013. Khi ly hôn, do cháu N đang ở cùng với anh T nên chị yêu cầu để cháu N cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 174/2015 Quyển số 01/2015 do UBND thị trấn Núi Sập cấp ngày 27/4/2015 mang tên Võ Phan Thủy N, sinh ngày 21/9/2013 thì cháu N là con chung của chị Bé H và anh T. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Văn phòng khóm Đông Thành, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên thể hiện: cháu Võ Phan Thủy N, sinh ngày 21/9/2013 - con chung của chị Bé H và anh T - hiện tại do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N tốt. Nay chị Bé H cũng có ý kiến cháu N được anh T chăm sóc nuôi dưỡng thời gian qua nên chị đồng ý để cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, xét về quyền lợi mọi mặt của con chung và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Bé H yêu cầu để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận. Do anh T không có ý kiến về việc có hay không yêu cầu chị Bé H cấp dưỡng nuôi con chung và chị Bé H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này anh T có tranh chấp và có yêu cầu chị Bé H cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Anh Võ Văn T phải tạo điều kiện cho chị Phan Thị Bé H thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị Phan Thị Bé H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Bé H phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003759 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Bé H được ly hôn với anh Võ Văn T.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị Bé H và anh Võ Văn T có một con chung tên Võ Phan Thủy N, sinh ngày 21/9/2013.

Anh Võ Văn T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Phan Thủy N, sinh ngày 21/9/2013.

Anh Võ Văn T phải tạo điều kiện cho chị Phan Thị Bé H thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Bé H phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003759 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Minh Châu**